

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 198/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Tổng Ngọc A** - Sinh năm 1984;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Xuyên** - Sinh năm 1976;

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Anh Tổng Ngọc A và chị Nguyễn Thị X.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Tổng Ngọc A và chị Nguyễn Thị X đều thuận tình ly hôn.

**2.2. Về con chung:** Anh Tổng Ngọc A và chị Nguyễn Thị X đều xác nhận không có nên không giải quyết.

**2.3. Về tài sản chung:**

Anh Tổng Ngọc A và chị Nguyễn Thị X không yêu cầu thẩm định, định giá tài sản và tự nguyện thoả thuận như sau:

Anh Tổng Ngọc A được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản chung

gồm: 01 thửa đất số xxx, tờ bản đồ số 8, diện tích 140,0m<sup>2</sup>, tại khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số : CH000xxx, ngày 10/12/2013 đứng tên ông Tống Ngọc A và bà Nguyễn Thị X; (Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh Tống Ngọc A đang quản lý) và tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp bốn gồm: 02 phòng ngủ, 01 phòng khách và 01 bếp ăn, công trình phụ cùng toàn bộ đồ dùng sinh hoạt hiện có trong gia đình (Toàn bộ tài sản chung hiện nay chị X đang quản lý và sử dụng). Anh Tống Ngọc A có trách nhiệm thanh toán cho chị Nguyễn Thị X 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tiền giá trị chênh lệch tài sản.

*(Xác nhận hai bên đã thanh toán cho nhau xong theo biên bản giao nhận tiền ngày 28/8/2019).*

**2.4. Về công nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và đất nông nghiệp:** Anh Tống Ngọc A và chị Nguyễn Thị X đều xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

**2.5. Về án phí:** Anh Tống Ngọc A nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Tống Ngọc A đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2016/0001772 ngày 15/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Hoàn trả cho anh Tống Ngọc A 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6.7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba;
- Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Đình Xuân**